

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 44/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 3 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan ; Bà Nguyễn Thị Thắm.
- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thủy Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn H, sinh năm 1973 tại Đồng Nai; CCCD Số 075073010655 cấp ngày 05/9/2022; Nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông: Hồ Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949. Bị cáo có vợ Lê Thị Kim C, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2005 và con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: 01 tiền án.

Ngày 28/7/2003, Hồ Văn H thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù theo bản án số 192/2008/HSST ngày 23/9/2008. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 29/4/2009; chưa nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện T từ ngày 06/6/2023 đến ngày 09/6/2023 thì được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 tại Đồng Nai; CCCD Số 075082019050 cấp ngày 12/8/2021; Nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1952 và bà Đặng Thị B (đã chết). Bị cáo có vợ Đinh Thị Thu T, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện T từ ngày 28/3/2023 đến ngày 18/01/2024 thì được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

* *Bị hại:* Bà **Mai Thị M1**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ A, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đinh Văn D**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ A, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Bà **Trần Thị Thu T1**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Nguyễn Văn Â**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông **Nguyễn Hữu T2**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Khu phố C, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo, bà M1, chị S có mặt tại phiên tòa, ông D, bà T1, ông Â, ông T2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Văn H và bà Mai Thị M1, sinh năm 1975 (trú tại ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai) có quen biết nhau. Vào khoảng tháng 04/2022, Hồ Văn H biết bà Mai Thị M1 đang cần làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 6x24m thuộc 1 phần thửa đất 134, tờ 31 xã X, Hồ Văn H dù không có khả năng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã nói dối với bà Mai Thị M1 rằng bản thân có nhiều mối quan hệ, để nhận làm thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M1 với giá tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 20/4/2022 tại nhà bà M1, Hồ Văn H nhận trước số tiền 20.000.000 đồng (việc giao nhận tiền được làm thành văn bản) và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liền kề, bản photo căn cước công dân của vợ chồng bà M1. Sau khi nhận được tiền, H không liên hệ với các cơ quan chức năng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M1 như đã thỏa thuận, mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 10/2022, bị bà M1 hỏi thúc trả tiền vì chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hồ Văn H liên hệ với Nguyễn Văn M, nhờ M làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M1 và được M đồng ý với giá 10.000.000 đồng. Ngày 27/10/2022, H tiếp tục yêu cầu và nhận từ bà M1 số tiền 25.000.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (việc giao nhận tiền có lập thành biên bản).

Đầu tháng 11/2022, tại nhà của M ở ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Hồ Văn H đưa cho Nguyễn Văn M trước số tiền 8.000.000 đồng để mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Số tiền 2.000.000 đồng còn lại, H nói sẽ trả sau.

Nguyễn Văn M liên hệ với 01 tài khoản trong trang “*giấy tờ giả uy tín tphcm*” trên mạng xã hội Facebook (M không nhớ rõ tên tài khoản) mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả theo yêu cầu của Hồ Văn H với giá 9.000.000 đồng. Sau khi chụp ảnh các giấy tờ liên quan gửi cho tài khoản Facebook trên, ngày 02/11/2022, M nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gửi đến có thông tin như sau: số CV 473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020, cấp cho bà Mai Thị M1, sinh năm 1975, căn cước công dân số 075175008435 và ông Đinh Văn D, sinh năm 1973, căn cước công dân số: 075073010987 qua dịch vụ chuyển hàng (M không nhớ rõ đơn vị chuyển hàng). Sau đó M đã đưa giấy chứng nhận trên cho Hồ Văn H theo thỏa thuận.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Nguyễn Văn M, ngày 02/11/2022, Hồ Văn H giao cho bà Mai Thị M1 và yêu cầu thanh toán số tiền còn lại nhưng bà M1 không đồng ý và hẹn H sau khi kiểm tra là thật mới thanh toán tiền. Thông qua người quen, bà M1 nhờ kiểm tra thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020, cấp cho bà Mai Thị M1 và ông Đinh Văn D thì được biết đây là giấy tờ giả. Bà M1 liên lạc cho Hồ Văn H và yêu cầu H trả lại toàn bộ số tiền đã nhận.

Ngày 04/11/2022, Hồ Văn H đến gặp bà M1 lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và tiếp tục nói dối, yêu cầu bà M1 đưa thêm 20.000.000 đồng để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật. Bà M1 đồng ý đưa tiếp 20.000.000 đồng cho H (việc giao nhận tiền có lập thành biên bản). Sau khi nhận được 20.000.000 đồng, H sử dụng tiêu xài cá nhân hết, riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả H đem cất vào tủ. Đến ngày 19/01/2023 Hồ Văn H lấy đưa lại cho bà M1 tiếp và nói dối đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật.

Sau đó bà Mai Thị M1 cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV473048, vào sổ số CS 09165 ngày 05/05/2020 của Hồ Văn H đưa đến Văn phòng C1 (xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai) kiểm tra thì biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hồ Văn H đưa cho mình là giấy tờ giả. Ngày 27/02/2023, bà M1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo sự việc.

Ngày 28/3/2023, Nguyễn Văn M đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh là công cụ, phương tiện sử dụng vào hành vi phạm tội. Tiến hành kiểm tra điện thoại kê trên ghi nhận lịch sử truy cập ứng dụng facebook có trang “*giấy tờ giả uy tín tphcm*”, các tin nhắn liên quan Nguyễn Văn M khai nhận đã xóa bỏ.

Ngày 06/6/2023, biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát giác, Hồ Văn H đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Bản kết luận giám định số 648/KLGD-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định: Hình dấu tròn Cộng Hòa Xã Hội C Việt Nam - Tỉnh Đồng Nai - Sở T4 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Cộng Hòa X.H.C.N Việt Nam - Tỉnh Đồng Nai - Sở Tài nguyên và Môi trường trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Nguyễn Đình N trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Đình N trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

Công văn số 1919/VPĐK-TTLT ngày 29/3/2023 của văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ xác định: Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 473048, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09160 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ quản lý, đã được cấp cho bà Phạm Mai Cẩm T3, sinh năm 1985, chứng minh nhân dân số 271752141 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 7, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ngày 05/05/2020 (đính kèm bản photo giấy chứng nhận); không cấp cho bà Mai Thị M1, sinh năm 1975, căn cước công dân số 075175008435 và ông Đình Văn D, sinh năm 1973, căn cước công dân số 075073010987 như thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 473048 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T cung cấp kèm theo văn bản số 378/CSĐT.

Về vật chứng vụ án:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin số CV473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020 cấp cho bà Mai Thị M1 và ông Đình Văn D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh là công cụ, phương tiện Nguyễn Văn M sử dụng vào hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ.

- Đối với chiếc điện thoại Hồ Văn H sử dụng để liên lạc trao đổi với Nguyễn Văn M hiện đã mất, không thu hồi được.

- 01 thẻ nhớ màu đen dung lượng 8Gb do Hồ Văn H giao nộp, cần tiếp tục lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Hồ Văn H đã trả cho bà Mai Thị M1 số tiền 20.000.000 đồng, bà M1 yêu cầu Hồ Văn H tiếp tục trả số tiền 45.000.000 đồng còn lại.

Quá trình điều tra Hồ Văn H và Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 22/CT-VKS-TN ngày 29/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố bị cáo Hồ Văn H về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo H, M và đề nghị HĐXX áp dụng;

+ Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đề nghị phạt bị cáo Hồ Văn H từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” từ 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 10 đến 12 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn H, Nguyễn Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với các bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì khác.

Các bị cáo H, M nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên các bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hồ Văn H, Nguyễn Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Hồ Văn H là đối tượng có 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích. Vào khoảng tháng 04/2022, H nói dối với bà M1 là có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị M1 sinh năm 1975, trú tại ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai với giá tiền 125.000.000 đồng, tuy nhiên sau khi nhận trước số tiền 45.000.000 đồng từ bà M1, H không liên hệ cơ quan chức năng làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M1 như đã hứa mà đến tháng 10/2022 liên hệ với Nguyễn Văn M đặt mua 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà M1 với giá 10.000.000 đồng.

Qua mạng xã hội facebook, Nguyễn Văn M đã đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020, cấp cho bà Mai Thị M1, sinh năm 1975, căn cước công dân số 075175008435 và ông Đinh Văn D, sinh năm 1973, căn cước công dân số: 075073010987 với giá 9.000.000 đồng đưa cho Hồ Văn H và H đưa cho bà M1.

Sau khi bị bà M1 phát hiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Hồ Văn H tiếp tục nói dối bà M1 là sẽ làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật cho bà M1 để chiếm đoạt thêm số tiền 20.000.000 đồng, dùng số tiền này vào trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến hạn đã hứa với bà M1, Hồ Văn H tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả kể trên đưa cho bà M1 nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Sau đó bị phát hiện, xử lý theo quy định.

Bản kết luận giám định số 648/KLGD-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định: Hình dấu tròn Cộng Hòa Xã Hội C Việt Nam - Tỉnh Đồng Nai - Sở T4 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Cộng Hòa X.H.C.N Việt Nam - Tỉnh Đồng Nai - Sở Tài nguyên và Môi trường trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Nguyễn Đình N trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Đình N trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

Công văn số 1919/VPĐK-TTLT ngày 29/3/2023 của văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở tài nguyên môi trường tỉnh Đ xác định: Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 473048, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS09160 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ quản lý, đã được cấp cho bà Phạm Mai Cẩm T3, sinh năm 1985, chứng minh nhân dân số 271752141 đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 7, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, ngày 05/05/2020 (đính kèm bản photo giấy chứng nhận); không cấp cho bà Mai Thị M1, sinh năm 1975, căn cước công dân số 075175008435 và ông Đinh Văn D, sinh năm 1973, căn cước công dân số 075073010987 như thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 473048 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T cung cấp kèm theo văn bản số 378/CSĐT. Bị cáo H đã chiếm đoạt của bị hại 65.000.000 đồng(sáu mươi lăm triệu đồng).

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Hồ Văn H về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Khoản 1 Điều 341; bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Hồ Văn H không phải là người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn nhận tiền của bị hại, sau khi nhận tiền cũng không liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị hại,

việc bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại thì bị cáo H không bàn bạc nên bị cáo M không biết, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân.

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của bị hại mặc dù biết bị cáo Nguyễn Văn M cũng không phải là người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị cáo H vẫn nhờ M làm giải 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Mai Thị M1 để đưa cho bà M1, bị cáo M đồng ý và đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Mai Thị M1, Đinh Văn D. Các bị cáo M và H biết việc đặt làm giấy tờ không đúng trình tự, thủ tục, cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong quản lý hành chính nên bị cáo H có vai trò nghiêm trọng hơn bị cáo M trong tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Do đó cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); bị cáo H có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi có ý nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo H, M đến công an đầu thú, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51; bị cáo H đã bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51; bị cáo M bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hành phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về quyết định hình phạt:

Đối với bị cáo Hồ Văn H đã từng bị xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích không lấy đó làm gương để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà cùng lúc tiếp tục thực hiện hành vi phạm nhiều tội thể hiện bị cáo coi thường pháp luật. Cần có mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Do bị cáo H cùng lúc phạm hai tội nên khi lượng hình cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự xét thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo là đủ răn đe, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo.

[5.1] Về hình phạt bổ sung:

+ Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo H không có việc làm kinh tế khó khăn xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo H, bị cáo M khai kinh tế khó khăn xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Hồ Văn H đã trả cho bà Mai Thị M1 số tiền 20.000.000 đồng, bà M1 yêu cầu Hồ Văn H tiếp tục trả số tiền 45.000.000 đồng cần buộc bị cáo H có nghĩa vụ thanh toán cho bị hại M1, ông D số tiền 45.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin số CV473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020 cấp cho bà Mai Thị M1, ông Đinh Văn D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và 01 thẻ nhớ màu đen dung lượng 8Gb do Hồ Văn H giao nộp cần tịch thu lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh là công cụ, phương tiện Nguyễn Văn M sử dụng vào hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo H có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà M1 số tiền 45.000.000 đồng lên phải chịu án phí là 2.250.000đ (45.000.000 đ x 5%) (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Văn H** phạm các tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và “**Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**”.

Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo **Hồ Văn H** 02 (hai) năm 03(ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn H 01(một) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo **Hồ Văn H** phải chấp hành hình phạt chung là **03(ba) năm 03(ba) tháng tù**; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/6/2023 đến ngày 09/6/2023.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn M2** phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng 21(hai một) ngày tù**. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 589, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Hồ Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị M1, ông Đinh Văn D số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mãi sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh là công cụ, phương tiện Nguyễn Văn M sử dụng vào hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất)

- Tịch thu 01 (một) thẻ nhớ màu đen dung lượng 8Gb do Hồ Văn H giao nộp và 01(một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin số CV473048, vào sổ số CS09165 ngày 05/05/2020 cấp cho bà Mai Thị M1 và ông Đinh Văn D cần tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Hồ Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. T.Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Công an H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H Thống Nhất;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Cơ quan THA HS
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Quang Phúc